

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Thiều Minh	Tài	3574010556	07/02/1993		5,50	5,50	
2	Thái Minh	Ca	3574011142	03/11/1992		5,80	5,80	
3	Lê Lục	La	3672050002	09/03/1994		,00	,00	Nợ HP
4	Lê Đức	Trọng	3672050003	20/10/1994		7,50	7,50	
5	Nguyễn Huy	Tiến	3672050004	20/01/1992		8,50	8,50	Nợ HP
6	Lê Công	Toàn	3672050008	08/03/1994		7,00	7,00	
7	Trần Thanh	Phúc	3672050009	22/03/1994		,00	,00	
8	Phạm Văn	Tin	3672050010	17/10/1994		7,00	7,00	
9	Nguyễn Văn	Tân	3672050013	12/10/1993		,00	,00	Nợ HP
10	Võ Lê Công	Hiếu	3672050015	01/12/1993		7,50	7,50	
11	Phạm Xuân	Phú	3672050017	09/02/1994		5,50	5,50	Nợ HP
12	Mạc Xuân	Hạnh	3672050023	27/04/1994		7,50	7,50	
13	Nguyễn Ngọc	Sơn	3672050032	19/09/1993		5,30	5,30	
14	Lê Đức	Huy	3672050034	04/03/1994		7,50	7,50	
15	Phan Thành	Đợi	3672050037	24/08/1994		8,30	8,30	
16	Trịnh Văn	Tiền	3672050045	06/02/1993		5,80	5,80	
17	Nguyễn Minh	Khang	3672050047	27/03/1994		6,50	6,50	
18	Nguyễn Trung	Trực	3672050050	18/12/1994		5,50	5,50	
19	Đỗ Nguyễn Anh	Phong	3672050062	11/06/1994		5,30	5,30	
20	Nguyễn Đức	Lộc	3672050071	20/03/1993		,00	,00	Nợ HP
21	Phạm Việt	Việt	3672050094	12/09/1993		6,50	6,50	
22	Trịnh Quang	Thảo	3672050112	05/09/1993		,00	,00	Nợ HP
23	Trần	Phát	3672050115	22/03/1992		6,30	6,30	
24	Đoàn Lương	Hoài	3672050117	24/11/1994		,00	,00	
25	Ngô Thanh	Nhàn	3672050120	07/01/1994		6,50	6,50	
26	Đỗ Võ Thái	Hòa	3672050123	03/10/1994		,00	,00	Nợ HP
27	Phạm Tuấn	Đạt	3672050129	03/10/1994		5,80	5,80	
28	Nguyễn Bình	Chí	3672050139	23/11/1994		7,80	7,80	
29	Nguyễn Thị	Mến	3672050146	06/02/1994		6,50	6,50	
30	Trần Đoàn Minh	Tâm	3672050148	08/06/1994		7,80	7,80	
31	Nguyễn Thành	Vũ	3672050155	26/08/1994		7,50	7,50	
32	Bùi Xuân	Đạt	3672050159	09/04/1994		7,50	7,50	
33	Trần Đăng	Phong	3672050168	28/02/1994		8,30	8,30	
34	Nguyễn Văn	Cầm	3672050171	09/03/1994		7,00	7,00	
35	Nguyễn Anh	Duy	3672050182	09/12/1994		5,00	5,00	Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trần Xuân	Hiếu	3672050203	11/11/1994		7,50	7,50	
37	Liêu Trường	Quang	3672050205	09/07/1994		,00	,00	Nợ HP
38	Nguyễn Phước	Trọng	3672050212	14/11/1993		5,00	5,00	
39	Lưu Đoàn Thanh	Phúc	3672050231	17/12/1994		,00	,00	Nợ HP
40	Bùi Văn	Út	3672050238	26/03/1994		7,50	7,50	
41	Hồ Thế	Trường	3672050248	25/09/1993		8,30	8,30	
42	Nguyễn Văn	Nhật	3672050264	15/03/1993		8,30	8,30	
43	Hồ Đức	Anh	3672050302	10/06/1993		8,30	8,30	
44	Trần Thái	Sơn	3672050314	19/05/1993		,00	,00	
45	Lê Văn	Quốc	3672050317	31/12/1994		7,80	7,80	
46	Đinh Văn	Châu	3672050325	07/11/1993		7,00	7,00	
47	Nguyễn Đình Hoài	Vũ	3672050328	04/02/1994		6,30	6,30	
48	Mai	Thiện	3672050375	12/03/1994		7,30	7,30	
49	Lê Thành	Tú	3672050394	13/06/1994		,00	,00	Nợ HP
50	Triệu Gia	Minh	3672050397	18/04/1994		,00	,00	
51	Dương Thành	Mỹ	3672050400	08/08/1994		8,30	8,30	
52	Lê Vũ Anh	Duy	3672050996	30/11/1994		5,50	5,50	
53	Trần Trung	Hiếu	3672051102	17/11/1994		,00	,00	Nợ HP
54	Phạm Xuân	Hiệp	3672051108	10/08/1993		6,30	6,30	
55	Ngô Hoàng	Phụng	3672051118	01/01/1994		5,30	5,30	
56	Trần Duy	Tân	3672051150	14/01/1994		7,50	7,50	
57	Nguyễn Văn	Bắc	3672051169	14/04/1994		6,50	6,50	
58	Phạm Ngọc	Hiệu	3672051194	19/05/1994		7,80	7,80	
59	Nguyễn Thái Duy	Thức	3672051198	16/06/1994		7,50	7,50	Nợ HP
60	Đoàn Gia	Triển	3672051199	15/03/1993		6,80	6,80	
61	Nguyễn Văn	Sang	3672051201	26/11/1994		,00	,00	Nợ HP
62	Nguyễn Ngọc	Thành	3672051204	20/05/1982		,00	,00	Nợ HP
63	Nguyễn	Thống	3672051220	12/01/1994		5,00	5,00	
64	Nguyễn Quốc	Thống	3672051226	03/03/1993		6,00	6,00	
65	Nguyễn Quang	Thao	3672051240	01/01/1993		,00	,00	Nợ HP
66	Nguyễn Hoài	Nam	3672051274	11/03/1994		8,30	8,30	Nợ HP
67	Bạch Thành	Nhân	3672051486	07/10/1993		5,00	5,00	Nợ HP
68	Huỳnh Tấn	Phát	3672051491	15/08/1993		7,50	7,50	
69	Lê Văn	Đình	3672051494	12/10/1994		6,30	6,30	
70	Nguyễn Văn	Sáu	3672051503	20/08/1994		5,00	5,00	
71	Hoàng Văn	Hoàn	3672051506	25/04/1994		,00	,00	Nợ HP
72	Nguyễn Tấn	Lực	3672051511	03/01/1994		,00	,00	Nợ HP
73	Trần Huỳnh Quang	Duy	3672051536	12/05/1994		,00	,00	Nợ HP
74	Võ Duy	Thanh	3672051545	18/12/1994		5,00	5,00	
75	Phạm Quốc	Hòa	3672051546	24/07/1994		,00	,00	Nợ HP

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lê Ngọc	Danh	3672051582	20/07/1993		,00	,00	Nợ HP
77	Nguyễn Hoàng	Son	3672051607	16/08/1994		5,00	5,00	
78	Trương Huỳnh	Thịnh	3672051613	16/02/1994		8,50	8,50	Nợ HP
79	Ngô Thành	Thọ	3672051636	20/06/1994		7,80	7,80	
80	Trần Đức	Linh	3672051640	08/11/1993		,00	,00	
81	Lê Thanh	Nhất	3672051661	21/08/1994		7,00	7,00	
82	Phạm Quốc	Vương	3672051663	03/12/1994		7,30	7,30	
83	Phạm Ngọc	Quế	3672051672	23/09/1994		7,00	7,00	
84	A Thoại	Nguyễn	3672051677	30/12/1994		,00	,00	Nợ HP
85	Phạm Hữu	Tĩnh	3672051827	22/07/1993		5,00	5,00	
86	Cao Đức Đăng	Danh	3672051841	24/07/1994		,00	,00	
87	Phạm Văn	Ngoan	3672051867	09/11/1993		5,50	5,50	
88	Lê Hoàng Diễm	Châu	3672051872	10/11/1994		6,30	6,30	
89	Nguyễn Thế	Hùng	3672051874	06/08/1994		,00	,00	Nợ HP
90	Trương Minh	Tâm	3672051922	09/09/1994		6,50	6,50	
91	Dương Tấn	Ngọc	3672051957	18/03/1993		7,00	7,00	
92	Tôn Long	Duy	3672051963	27/05/1993		,00	,00	Nợ HP
93	Bùi Văn Tuấn	Vũ	3672051978	19/01/1994		5,50	5,50	Nợ HP
94	Hồ Hoàng	Nam	3672052013	10/04/1994		6,80	6,80	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)